

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 2023
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	7 – 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	9 – 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	13 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Mã số doanh nghiệp **3800100513**; đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2022 nhằm bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 316.000.000.000 Đồng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh:

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 725, Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : (0271) 387 0296

Fax : (0271) 387 0318

Mã số DN : 3800100513

Khách sạn Bombo – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước

Địa chỉ : Số 685, Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số DN : 3800100513 – 001

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đã hết thời hạn giữ chức vụ kiểm soát viên theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước về việc bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Thanh Hương giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xổ sổ kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước, thời hạn bổ nhiệm lại là 03 năm kể từ ngày 12/5/2018 đến 12/5/2021.

Công ty đang trình Chủ sở hữu bổ nhiệm thành viên mới cho vị trí này.

Ban Điều hành

- | | | |
|--------|------------------|--|
| 1. Ông | Nguyễn Đăng Khoa | Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. Ông | Trần Văn Sang | Phó Giám đốc |
| 3. Ông | Nguyễn Xuân Cừ | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 2023 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 40.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DV TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước. ^{Cu³}

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc - Nguyễn Đăng Khoa

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Số: 0607.01.02/2023/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP
 BÌNH PHƯỚC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 kèm theo theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được lập ngày 19 tháng 7 năm 2023, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu

quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các chỉ tiêu Phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ được ghi nhận trên cơ sở tạm trích, do Công ty chưa có đủ thông tin để xác định được các yếu tố năng suất lao động bình quân và yếu tố lợi nhuận trong năm để xác định quỹ tiền lương thực hiện cho năm 2023.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng vì vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

Báo cáo tài chính đính kèm đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2023-124-1*

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4287-2023-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		843.663.974.480	776.424.497.198
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		556.472.619.901	507.765.715.616
111	1. Tiền	V.1	189.931.591.609	255.347.098.193
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	366.541.028.292	252.418.617.423
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		89.771.238.639	88.479.228.915
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	89.771.238.639	88.479.228.915
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		175.513.019.339	157.397.813.553
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	174.900.078.808	156.678.576.425
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	191.948.000	354.250.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	420.992.531	363.827.128
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	1.160.000
140	IV. Hàng tồn kho		2.326.801.517	9.601.773.893
141	1. Hàng tồn kho	V.7	2.326.801.517	9.601.773.893
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.580.295.084	13.179.965.221
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	11.001.850.355	13.066.321.678
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	8.578.444.729	113.643.543
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		101.613.508.266	102.070.021.571
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.000.000	22.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.10	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		85.578.922.559	86.461.535.124
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	71.103.422.559	71.986.035.124
222	- Nguyên giá		109.524.510.797	108.645.650.013
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.421.088.238)	(36.659.614.889)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	14.475.500.000	14.475.500.000
228	- Nguyên giá		15.630.750.000	15.630.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.155.250.000)	(1.155.250.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	2.658.513.444
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2.658.513.444
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		12.500.000.000	12.500.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.13	12.500.000.000	12.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.512.585.707	427.973.003
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	3.512.585.707	427.973.003
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		945.277.482.746	878.494.518.769

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		276.075.138.575	465.094.518.769
310	I. Nợ ngắn hạn		167.075.138.575	356.094.518.769
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	4.092.140.084	10.062.227.254
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	71.591.637	40.359.378
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	139.897.724.666	311.219.733.270
314	4. Phải trả người lao động	V.18	379.205.332	7.324.556.610
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	522.440.159	972.131.034
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	22.112.036.697	26.475.511.223
330	II. Nợ dài hạn		109.000.000.000	109.000.000.000
354	1. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.21	109.000.000.000	109.000.000.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		669.202.344.171	413.400.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	669.202.344.171	413.400.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		316.000.000.000	316.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		97.400.000.000	97.400.000.000
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		255.802.344.171	-
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		255.802.344.171	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		945.277.482.746	878.494.518.769

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		327.433.058.967	238.283.323.414
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		120.000.000.000	109.384.000.000

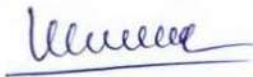
Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

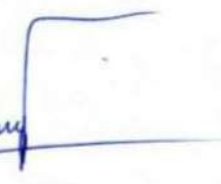
Kế toán trưởng

Giám đốc









Phan Thị Lan Chi

Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
01	1. Doanh thu	VI.23	2.198.538.824.416	1.564.366.929.734
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		2.190.942.927.272	1.557.837.109.092
01.1.1	1.1.1 Xổ số truyền thống		2.180.940.418.181	1.546.168.800.001
01.1.2	1.1.2 Xổ số tự chọn		10.002.509.091	11.668.309.091
01.2	1.2 Doanh thu khác		502.632.732	652.495.458
01.3	1.3 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.093.264.412	5.877.325.184
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.23	285.775.164.428	203.196.144.663
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		285.775.164.428	203.196.144.663
02.1.1	2.1.1 Xổ số truyền thống		284.470.489.329	201.674.191.303
02.1.2	2.1.2 Xổ số tự chọn		1.304.675.099	1.521.953.360
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
02.3	2.3 Giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
10	3. Doanh thu thuần	VI.23	1.912.763.659.988	1.361.170.785.071
10.1	3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		1.905.167.762.844	1.354.640.964.429
10.1.1	3.1.1 Xổ số truyền thống		1.896.469.928.852	1.344.494.608.698
10.1.2	3.1.2 Xổ số tự chọn		8.697.833.992	10.146.355.731
10.2	3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác		502.632.732	652.495.458
10.3	3.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.093.264.412	5.877.325.184
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.24	1.540.140.135.510	1.081.421.655.617
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		1.534.579.753.450	1.076.735.293.348
11.1.1	4.1.1 Chi phí trả thưởng		1.144.088.399.000	797.512.636.000
11.1.2	4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		390.491.354.450	279.222.657.348
11.2	4.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		5.560.382.060	4.686.362.269
20	5. Lợi nhuận gộp		372.623.524.478	279.749.129.454
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		370.588.009.394	277.905.671.081
20.2	5.2 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác		502.632.732	652.495.458
20.3	5.3 Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.532.882.352	1.190.962.915
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	8.790.472.322	4.043.592.569
22	7. Chi phí tài chính	VI.26	-	1.352.547.946
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	1.352.547.946
24	8. Chi phí bán hàng		-	4.000.000

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.27	60.734.413.220	59.117.316.704
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		320.679.583.580	223.318.857.373
31	11. Thu nhập khác	VI.28	213.346.113	206.506.122
32	12. Chi phí khác	VI.29	122.612.728	75.900.001
40	13. Lợi nhuận khác		90.733.385	130.606.121
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		320.770.316.965	223.449.463.494
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.30	64.967.972.794	46.318.676.564
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		255.802.344.171	177.130.786.930

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2023

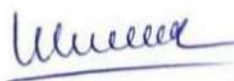
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Lan Chi



Nguyễn Xuân Cừ



Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.046.785.111.216	1.442.249.364.968
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(58.369.151.798)	(56.200.477.846)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.968.715.922)	(20.116.808.916)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(1.475.506.850)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(17.001.789.968)	(62.500.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		80.291.627.774	52.440.369.933
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.774.886.265.596)	(1.200.230.239.302)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		253.850.815.706	154.166.701.987
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.699.609.477)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.009.439.700)	(670.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.009.439.775	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.498.462.523	2.900.337.196
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.798.853.121	2.230.337.196

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	20.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(30.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17	(210.942.764.542)	(102.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(210.942.764.542)	(112.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		48.706.904.285	44.397.039.183
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	507.765.715.616	278.334.607.456
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	556.472.619.901	322.731.646.639

Người lập biểu

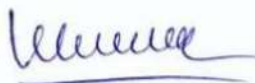
Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Giám đốc



Phan Thị Lan Chi



Nguyễn Xuân Cừ




Nguyễn Đăng Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

- ❖ **Khách sạn Bombo** – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 27 tháng 6 năm 2013.

Địa chỉ : Số 685, Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số : 3800100513-001

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

- ❖ **Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh** tại địa chỉ số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại:

- ❖ Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.
- ❖ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 12/4/2018 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
- Máy móc, thiết bị	5 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
- Tài sản cố định khác	15 - 25

5.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);

Chi trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ ***Phần mềm máy vi tính***

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

6. **Các khoản đầu tư tài chính**

❖ ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ ***Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

10. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

11. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.

Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Mức trích lập của Công ty đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sơ giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

12. Vốn chủ sở hữu

❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

❖ **Trích lập các quỹ**

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ, tài chính khác;

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”:

- **“Doanh thu có thuế”** là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- **“Doanh thu chưa có thuế”** là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn dựa trên Biên bản xác nhận khối lượng thành phẩm được giao của bên mua hàng;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

14. Các khoản chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

15. Chi phí Thuế Thu nhập hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại **Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023

		ĐVT: Đồng	
		Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
1. Tiền			
- Tiền mặt tại quỹ	5.750.313.562	40.534.306.923	
- Tiền gửi ngân hàng	184.181.278.047	214.812.791.270	
Cộng	189.931.591.609	255.347.098.193	
2. Các khoản tương đương tiền			
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:			
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	5.000.000.000	5.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Phước	100.898.043.195	50.447.192.774	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	90.900.000.000	74.900.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hàm Nghi	20.000.000.000	20.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	89.055.611.686	71.586.496.617	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Khởi	10.584.633.686	30.484.928.032	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	27.061.643.835	-	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	23.041.095.890	-	
	366.541.028.292	252.418.617.423	

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
3.1 Đầu tư Trái phiếu	490.000.000	490.000.000
3.2 Các khoản tiền gửi có kỳ hạn	89.281.238.639	87.989.228.915
Cộng	89.771.238.639	88.479.228.915

3.1 Đầu tư Trái phiếu

Khoản đầu tư vào 49 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có mệnh giá: 10.000.000 Đồng/ trái phiếu; ngày phát hành trái phiếu 19/12/2018; thời hạn trái phiếu là 10 năm; trả lãi sau.

3.2 Các khoản tiền gửi có kỳ hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	18.507.524.327	18.360.632.724
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	68.334.986.335	67.244.977.113
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	2.438.727.977	2.383.619.078
Cộng	89.281.238.639	87.989.228.915

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

4. Phải thu khách hàng

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	172.287.434.357	153.874.452.182
+ Mai Hữu Ảnh	15.057.200.289	11.593.648.264
+ Hà Thị Thùy Trang	7.784.094.288	5.631.676.776
+ Nguyễn Thị Thiên	6.998.875.000	2.868.683.797
+ Nguyễn Đức Dầy	4.908.842.906	3.519.145.916
+ Trần Văn Sang	5.489.921.260	5.228.915.310
+ Nguyễn Phú Thương	3.214.677.091	4.212.051.241
+ Nguyễn Khắc Duy	4.628.446.399	3.958.649.999
+ Nguyễn Văn Triệu	3.368.418.975	4.125.328.850
+ Lương Quan Thạch	2.994.348.255	2.882.581.755
+ Võ Thị Thanh Thúy	2.742.373.970	1.943.508.290
+ Trần Diễm Trang	6.347.097.538	3.735.909.663
+ Trần Vũ Anh Đào	4.705.006.500	2.695.977.480
+ Bùi Thị Xuân Kiều	3.191.570.125	2.901.020.475
+ Bùi Văn Nghĩa	2.537.306.220	2.729.140.995
+ Phan Văn Thái	3.805.067.548	3.181.932.974
+ Huỳnh Trần Nguyên Vũ	2.843.338.219	3.499.080.644
+ Hứa Kim Hùng	2.696.330.240	2.888.892.845
+ Trần Thị Trang	2.780.139.260	2.717.188.830
+ Nguyễn Tấn Khoa	4.653.572.980	3.282.746.060
+ Nguyễn Kế Thanh	3.631.215.850	3.345.261.325
+ Các đối tượng khác	77.909.591.444	76.933.110.693
- Thuế TNDN nộp thay đại lý còn phải thu	2.085.173.231	2.042.573.208
- Phải thu khách hàng tại Khách sạn Bom Bo	527.471.220	761.551.035
Cộng	174.900.078.808	156.678.576.425

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

5. Trả trước cho người bán

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá ASA DRAGON	51.300.000	51.300.000
- Công ty TNHH Cơ điện TH Toàn Cầu	58.509.000	-
- Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	40.000.000	40.000.000
- Trái cây Đồng Xoài	-	237.300.000
- Các đối tượng khác	42.139.000	25.650.000
Cộng	191.948.000	354.250.000

6. Các khoản phải thu khác

- Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu	194.134.281	194.134.281
- Tạm ứng cho nhân viên	194.000.000	115.000.000
- Các đối tượng khác	32.858.250	54.692.847
Cộng	420.992.531	363.827.128

7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	202.309.399	210.319.801
- Công cụ, dụng cụ	171.040.000	3.878.886.500
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.929.626.400	5.489.790.000
- Hàng hoá	23.825.718	22.777.592
Cộng	2.326.801.517	9.601.773.893

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2023	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 30/6/2023
- Phí bảo hiểm	2.739.685.198	129.243.642	2.155.943.141	712.985.699
- Quảng cáo	9.065.313.500	6.490.136.500	6.788.528.577	8.766.921.423
- Chi phí sửa chữa	187.475.931	2.577.000	126.060.730	63.992.201
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	396.835.827	475.358.814	463.043.108	409.151.533
- Chi phí khác	677.011.222	823.129.091	451.340.814	1.048.799.499
Cộng	13.066.321.678	7.920.445.047	9.984.916.370	11.001.850.355

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
- LN sau thuế tạm nộp vào ngân sách Nhà nước	8.500.000.000	-
- Thuế sử dụng đất	78.444.729	113.643.543
Cộng	8.578.444.729	113.643.543

10. Phải thu dài hạn khác**22.000.000****22.000.000**

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

11. Tài sản cố định hữu hình

Chí tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Tại ngày 01/01/2023		74.854.426.907	16.712.845.197	3.937.171.245	2.771.785.506	10.369.421.158	108.645.650.013
- Đầu tư XD CB hoàn thành		1.042.587.784	-	-	-	-	1.042.587.784
- Giảm khác		-	-	-	(163.727.000)	-	(163.727.000)
- Tại ngày 30/6/2023		75.897.014.691	16.712.845.197	3.937.171.245	2.608.058.506	10.369.421.158	109.524.510.797
Giá trị hao mòn							
- Tại ngày 01/01/2023		15.877.521.895	9.776.952.991	3.611.412.519	2.461.499.766	4.932.227.718	36.659.614.889
- Khấu hao trong kỳ		799.871.202	725.156.718	68.291.591	38.785.710	293.095.128	1.925.200.349
- Giảm khác		-	-	-	(163.727.000)	-	(163.727.000)
- Tại ngày 30/6/2023		16.677.393.097	10.502.109.709	3.679.704.110	2.336.558.476	5.225.322.846	38.421.088.238
Giá trị còn lại							
- Tại ngày 01/01/2023		58.976.905.012	6.935.892.206	325.758.726	310.285.740	5.437.193.440	71.986.035.124
- Tại ngày 30/6/2023		59.219.621.594	6.210.735.488	257.467.135	271.500.030	5.144.098.312	71.103.422.559
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày 01/01/2023		589.372.800	21.776.491.760	1.369.153.654	2.620.474.597	-	26.355.492.811
- Tại ngày 30/6/2023		589.372.800	21.776.491.760	1.369.153.654	2.456.747.597	-	26.191.765.811

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

12. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy vi tính [b]	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
Nguyên giá			
- Tại ngày 01/01/2023	14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
- Tại ngày 30/6/2023	14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
Giá trị hao mòn			
- Tại ngày 01/01/2023	-	1.155.250.000	1.155.250.000
- Tại ngày 30/6/2023	-	1.155.250.000	1.155.250.000
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2023	14.475.500.000	-	14.475.500.000
- Tại ngày 30/6/2023	14.475.500.000	-	14.475.500.000

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.500.000.000	12.500.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.500 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 1.000.000 Đồng/cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 8,33% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 01/01/2023	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 30/6/2023
- Chi phí sửa chữa	121.149.999	3.996.780.332	806.235.630	3.311.694.701
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	306.823.004	-	105.931.998	200.891.006
Cộng	427.973.003	3.996.780.332	912.167.628	3.512.585.707

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
- Xí nghiệp in Tài chính	2.112.000.000	1.278.320.400
- Công ty TNHH SX TM Quảng cáo Quang Hưng	951.775.000	-
- Công ty TNHH May thuê giày An Phước	270.779.000	-
- Công ty TNHH MTV TM DV TV ĐT Thiên Phát	240.068.400	-
- Công ty TNHH MTV TM TV ĐT XD Minh Đức	224.750.000	-
- Công ty TNHH MTV Nhâm Hữu	156.287.700	263.859.954
- Công ty CP Đầu tư Quảng cáo Song Hành	-	8.049.996.000
- Công ty TNHH XD Cầu đường Cẩm Xuyên	-	242.371.600
- Nguyễn Phú Thương	-	113.454.000
- Các đối tượng khác	136.479.984	114.225.300
Cộng	4.092.140.084	10.062.227.254

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

71.591.637

40.359.378

Khách hàng trả trước tiền thuê phòng, đặt tiệc tại Khách sạn Bom Bo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2023
- Thuế Giá trị gia tăng	36.802.663.102	216.847.542.252	224.329.151.343	29.321.054.011
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	49.691.324.898	285.775.164.428	295.638.318.977	39.828.170.349
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.727.131.483	64.967.972.794	17.001.789.968	62.693.314.309
- Thuế Thu nhập cá nhân	7.555.849.245	79.800.044.200	79.300.707.448	8.055.185.997
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế TNCN từ trúng thưởng	8.394.840.000	59.632.930.000	61.044.650.000	6.983.120.000
+ Thuế TNCN Đại lý xổ số	410.464.974	18.164.945.591	16.137.971.651	2.437.438.914
+ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	(1.249.455.729)	2.002.168.609	2.118.085.797	(1.365.372.917)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(113.643.543)	998.584.374	963.385.560	(78.444.729)
- Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	202.442.764.542	-	210.942.764.542	(8.500.000.000)
Cộng	311.106.089.727	648.393.308.048	828.180.117.838	131.319.279.937

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	311.219.733.270	139.897.724.666
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.9)	(113.643.543)	(8.578.444.729)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất âm trụ sở Công ty tại số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
18. Phải trả người lao động	379.205.332	7.324.556.610

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

19. Phải trả ngắn hạn khác

- Phải trả chi phí ủy quyền trả thưởng	236.226.258	295.669.908
- Tạm thu tiền vé xổ số tự chọn	137.590.000	-
- Kinh phí công đoàn	97.591.976	97.591.976
- Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	390.000.000
- Phải chi trả thưởng	-	188.269.150
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.031.925	600.000
Cộng	522.440.159	972.131.034

20. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Tại ngày 01/01/2023	Chi trong kỳ	Tại ngày 30/6/2023
- Quỹ Khen thưởng	11.998.095.472	730.465.000	11.267.630.472
- Quỹ Phúc lợi	14.084.822.647	3.633.009.526	10.451.813.121
- Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	392.593.104	-	392.593.104
Cộng	26.475.511.223	4.363.474.526	22.112.036.697

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

	Ngày 30/6/2023	Ngày 01/01/2023
21. Dự phòng rủi ro trả thưởng	109.000.000.000	109.000.000.000

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

22. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022			
-	Vốn góp của chủ sở hữu	244.500.000.000	-	244.500.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	71.500.000.000	-	71.500.000.000
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	177.130.786.930	177.130.786.930
	Cộng	316.000.000.000	177.130.786.930	493.130.786.930
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023			
-	Vốn góp của chủ sở hữu	316.000.000.000	-	316.000.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	97.400.000.000	-	97.400.000.000
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	255.802.344.171	255.802.344.171
	Cộng	413.400.000.000	255.802.344.171	669.202.344.171

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/6/2023

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	2.198.538.824.416	1.564.366.929.734
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	2.190.942.927.272	1.557.837.109.092
* <i>Xổ số truyền thống</i>	<i>2.180.940.418.181</i>	<i>1.546.168.800.001</i>
* <i>Xổ số tự chọn</i>	<i>10.002.509.091</i>	<i>11.668.309.091</i>
+ Doanh thu bán phế liệu	502.632.732	652.495.458
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	7.093.264.412	5.877.325.184
- Các khoản giảm trừ doanh thu	285.775.164.428	203.196.144.663
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	285.775.164.428	203.196.144.663
* <i>Xổ số truyền thống</i>	<i>284.470.489.329</i>	<i>201.674.191.303</i>
* <i>Xổ số tự chọn</i>	<i>1.304.675.099</i>	<i>1.521.953.360</i>
- Doanh thu thuần	1.912.763.659.988	1.361.170.785.071
Trong đó:		
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	1.905.167.762.844	1.354.640.964.429
+ Doanh thu bán phế liệu	502.632.732	652.495.458
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	7.093.264.412	5.877.325.184

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

24. Chi phí kinh doanh

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí kinh doanh xổ số	1.534.579.753.450	1.076.735.293.348
+ Chi phí trả thưởng	1.144.088.399.000	797.512.636.000
* Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	1.136.643.100.000	788.436.400.000
* Chi phí trả thưởng xổ số tự chọn	7.445.299.000	9.076.236.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành	390.491.354.450	279.222.657.348
* Chi phí cho các đại lý	363.298.911.798	258.469.900.072
* Chi phí phát hành vé	25.882.693.600	19.552.630.000
* Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	813.499.052	704.127.276
* Chi phí chống số đề	20.250.000	20.000.000
* Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	416.000.000	416.000.000
* Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
- Giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán	5.560.382.060	4.686.362.269
+ Giá vốn kinh doanh khách sạn Bom Bo	5.560.382.060	4.686.362.269
Tổng cộng	1.540.140.135.510	1.081.421.655.617

25. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.958.272.322	3.293.892.569
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.832.200.000	749.700.000
Cộng	8.790.472.322	4.043.592.569

26. Chi phí tài chính**- 1.352.547.946**

Chi phí lãi vay ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí nhân viên quản lý	23.590.967.594	33.480.234.538
- Chi phí vật liệu quản lý	587.016.882	655.890.985
- Chi phí đồ dùng văn phòng	769.498.435	703.745.064
- Chi phí khấu hao TSCĐ	944.837.075	1.086.698.142
- Thuế, phí và lệ phí	1.034.842.192	1.126.873.977
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.902.969.453	2.228.759.821
- Chi phí bằng tiền khác	30.904.281.589	19.835.114.177
Cộng	60.734.413.220	59.117.316.704

28. Thu nhập khác

- Thu thù lao thu hộ vé	181.090.911	186.545.457
- Thu phí dịch vụ SMS	20.181.818	14.454.545
- Thu nhập khác	12.073.384	5.506.120
Cộng	213.346.113	206.506.122

29. Chi phí khác

- Chi thù lao thu hộ vé	95.272.728	49.000.001
- Chi phí bán giấy phế liệu	22.200.000	22.200.000
- Chi phí khác	5.140.000	4.700.000
Cộng	122.612.728	75.900.001

CÔNG TY TNHH MTV XÔ SÓ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

30. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	320.770.316.965	223.449.463.494
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	6.896.247.006	8.811.890.664
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(2.832.200.000)	(749.700.000)
- Cộng (+) thu nhập năm trước chưa tính thuế	-	81.728.664
- Tổng thu nhập tính thuế	324.834.363.971	231.593.382.822
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	64.966.872.794	46.318.676.564
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.100.000	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.967.972.794	46.318.676.564

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản cam kết dài hạn**

Công ty có thực hiện các hợp đồng thuê đất sau:

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/ĐT ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐĐT/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện; để thuê đất các nội dung cơ bản như sau:

Địa chỉ lô đất : Số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Mục đích thuê : Xây dựng Văn phòng làm việc

Diện tích đất : 3.644 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm từ ngày 09/4/1997

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

- ❖ Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất, các nội dung cơ bản như sau:

Địa chỉ lô đất : Số 685, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Mục đích thuê : Khu dịch vụ khách sạn

Diện tích đất thuê : 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm (đến ngày 27/10/2060)

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập từ lương, thưởng của các thành viên Ban quản lý, điều hành Công ty phát sinh trong kỳ là 1.744.529.091 Đồng.

4. Công cụ dụng cụ theo dõi ngoài bảng

Theo kết quả kiểm kê tại ngày 31/12/2022, Công ty đã tiến hành rà soát, phân loại lại một số tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đã hết khấu hao, hư hỏng, chờ thanh lý. Chi tiết như sau:

Chi tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Công cụ, dụng cụ	20.465.874.404	(20.465.874.404)	-
- Tài sản hư hỏng, chờ thanh lý	8.687.956.935	(8.687.956.935)	-
Cộng	29.153.831.339	(29.153.831.339)	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2023

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2023 sau đây:

- Nghị định 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất năm 2023. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31/12/2023.
- Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
- Thông tư 13/2023/TT-BTC ngày 28/02/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2023.
- Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/05/2023.

Bình Phước, ngày 19 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phan Thị Lan Chi

Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Đăng Khoa

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
CÔNG TY TNHH MTV XỐ SÓ KIẾN THIẾT
VÀ DV/TH BÌNH PHƯỚC

Phụ lục 05

Số: ... /BC - XSBP

TÌNH HÌNH THOÁI VỐN TẠI DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG ÁN CƠ CẤU LẠI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Giá trị vốn của NN	KH thoái vốn nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt				Tình hình thoái vốn quý 2			Lũy kế số thoái vốn từ 01/01/2021 đến 20/06/2023				Giá trị còn phải thoái vốn	Ghi chú
				Văn bản phê duyệt phương án thoái vốn	Thời gian dự kiến thoái theo kế hoạch	Tỷ lệ thoái dự kiến theo KH	Giá trị dự kiến thoái vốn theo KH	Giá trị đã thoái		Đầu tư thêm	Giá trị đã thoái		Đầu tư thêm			
								Giá trị sổ sách	Giá trị thu được		Giá trị sổ sách	Giá trị thu được				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=8+4-12	16	
1	Cty CP BOT đường Quốc lộ 14 Đồng Xoài - Chơn Thành	120.000	28.800	2473/QĐ-UBND	23/09/2021	-	-	-	-	-	28.800	28.800	-	-	Rút tên CD	
2	Cty CP Đầu tư XD CSHT Bình Phước	150.000	12.500	2473/QĐ-UBND	23/09/2021	100%	12.500	-	-	-	-	-	-	12.500		
3	Khách sạn Bom Bo - Trục thuộc Công ty	-	111.714,5	2473/QĐ-UBND	23/09/2021	100%	111.715	-	-	-	-	-	-	111.714,5		

Báo cáo tóm tắt công việc thực hiện trong kỳ:

Thực hiện Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025"; tiếp theo Công văn số 1516/UBND-TH ngày 23/06/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về thực hiện Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã thực hiện xây dựng Đề án "Cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước giai đoạn 2021-2025" trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định, phê duyệt tại Tờ trình số 441/TTTr-XSBP ngày 20/09/2022.



Ngày 05/12/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước có Công văn số 2420/SKHĐT-DKKD về việc góp ý đối với đề án cơ cấu lại DNN của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước. Tiếp thu ý kiến góp ý, Công ty thực hiện hiệu chỉnh đề án, tuy nhiên, việc xây dựng Đề án tiếp tục gặp vướng mắc khi Công ty chưa được phê duyệt "Phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất giai đoạn 2021-2025" theo quy định (Phương án này là một nội dung chính của Đề án "Cơ cấu lại Công ty"). Cho nên, việc xây dựng Đề án "Cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025" vẫn chưa hoàn thành theo kế hoạch.

Về Phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất giai đoạn 2021-2025, Công ty đã xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định, phê duyệt tại Tờ trình số 334/TTr-XSBP ngày 06/07/2022, hiện đang trong quá trình tiếp diễn thực hiện, cụ thể:

+ Ngày 11/04/2023 UBND tỉnh Bình Phước có Công văn số 1180/UBND-TH về việc báo cáo phương án sắp xếp lại cơ sở nhà, đất Văn phòng giao dịch tại Tp. Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và DVTH Bình Phước gửi Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tài chính chủ trì tổ chức kiểm tra hiện trạng và thực hiện các bước tiếp theo quy định.

+ Ngày 01/06/2023 Bộ Tài chính đã cử đại diện là ông Nguyễn Hoài Đức - Phó trưởng phòng, Cục Quản lý công sản phối hợp với đại diện Sở Tài chính tỉnh Bình Phước, đại diện Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh và đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh (vắng) tiến hành kiểm tra, đánh giá hiện trạng cơ sở nhà, đất là Trạm Giao dịch của Công ty tại Tp. Hồ Chí Minh. Đã ghi nhận Biên bản, nhưng chưa có kết luận chính thức của các cơ quan liên quan.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh BP;
- Sở Tài chính tỉnh BP;
- Ban Giám đốc Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT, KT.

Bình Phước, ngày 18 tháng 07 năm 2023

NGUYỄN ĐỨC



Nguyễn Đăng Khoa



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT
VÀ DVTH BÌNH PHƯỚC

Phụ lục 03 _ Mẫu 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Ban hành kèm theo thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2023

D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ số cuối kỳ	Năm trước/ số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D	1.752.216.046	1.752.216.046
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D		
6. Vốn điều lệ		D	316.000.000.000	316.000.000.000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			311.106.089.727	159.731.106.249
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P	648.393.308.048	1.217.731.488.425
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P	648.393.308.048	1.001.508.888.315
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P	-	216.222.600.110
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P	828.180.117.838	1.066.356.504.947
Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P	210.942.764.542	102.000.000.000
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D	131.319.279.937	311.106.089.727

Ghi chú: Báo cáo này được gửi cùng với BCTC quý, năm.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh BP;
- Sở Tài chính tỉnh BP;
- Cục Thống kê;
- CT, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT, KT.

Bình Phước, ngày 18 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Đăng Khoa